

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25 /12 /2017

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại

2. Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Khoa -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị M – sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh B.

Chỗ ở: Pan Kh, xã L, huyện N, tỉnh B

Bị đơn: Anh Chu Lý Đ – sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Theo chị Dương Thị M trình bày: Tôi có xây dựng gia đình với anh Chu Văn Đ vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tự Lạn. Cưới xong tôi có về gia đình chồng làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2015 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Đ.

+Về con chung : Vợ chồng có một con chung Chu Thị Thảo Ng sinh ngày 28/6/2014. Giải quyết ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+Tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp không có gì liên quan nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Chu Lý Đ trình bày: Tôi có xây dựng gia đình với chị Dương Thị M vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Cưới xong chị M về gia đình chồng làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2015 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Mai xin ly hôn thì tôi đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có một con chung Chu Thị Thảo Ng sinh ngày 28/6/2014. Giải quyết ly hôn chị M nhận nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

+Tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp không có gì liên quan nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Mai giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Đ và nhận nuôi con chung của vợ chồng.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt và đồng ý quan điểm xin ly hôn và được nuôi con chung của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị M thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, bị đơn anh Đ thực hiện đúng các quyền theo quy định của BLTTDS.

+Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị M được ly hôn anh Chu Lý Đ.

+Về con chung: Giao cho chị Dương Thị M nuôi dưỡng cháu Chu Thị Thảo Ng sinh ngày 28/6/2014, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M kết hôn với anh Chu Văn Đ vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là Hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2015

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, Hai gia đình đôi bên động viên hòa giải nhưng không kết quả. Chị M đã về gia đình bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị được ly hôn, anh Đ đồng ý.

HĐXX xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại bản tự khai anh Đ và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị M xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Do anh Đ có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét tình cảm chị M, anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn và đồng ý ly hôn là từ nguyện. Do vậy cần xử cho chị Dương Thị M được ly hôn an Chu Lý Đ.

Về con chung: Chị M và anh Đ đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Thị Thảo Ng sinh ngày 28/6/2014. Hiện cháu đang ở với chị M, sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý với ý kiến của chị M. HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Anh Chu Lý Đ được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Điệp thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1-Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Dương Thị M được ly hôn anh Chu Lý Đ.

2-Về con chung: Giao cho chị Dương Thị M được nuôi con chung Chu Thị Thảo Ng sinh ngày 28/6/2014 của vợ chồng là. Anh Chu Lý Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Dương Thị M.

Anh Chu Lý Đ được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3-Về án phí: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng chị Mai đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/04694 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Bảo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo tron hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đ- ong sự
- UBND xã Tụ Lạn
- L- u

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hải Vinh